

# A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THÍCH LUẬN

## QUYỂN 16

### Phẩm 6: PHÂN BIỆT THÁNH ĐẠO QUẢ NHÂN (PHẦN 1)

Nghĩa này đã nói, Nghĩa là như diệt được gọi là trí vĩnh viễn đoạn trừ. Lại nữa, nghĩa này như:

Kệ nói:

*Đã nói phiền não diệt*

*Do kiến tu bốn đế.*

**Giải thích:** Các phiền não có hai thứ:

1. Phiền não do kiến đế-diệt trừ.
2. Phiền não do của tu đạo diệt trừ.

Về nghĩa ấy, trước đây đã thuyết minh rộng, diệt kia cũng vậy. Về hai đạo kiến, tu, nay sẽ nói.

Hai đạo này là hữu lưu hay là vô lưu? Thế nên, nêu lên lời này.

Kệ nói:

*Tu đạo có hai thứ*

*Kiến đạo chỉ vô lưu.*

**Giải thích:** Thế nào là tu đạo có hai thứ? Do dựa vào thế gian tu và dựa vào xuất thế gian tu.

Kiến đạo hoàn toàn là xuất thế, có năng lực đối trị hoặc của ba cõi. Lại, có thể cùng một thời điểm, diệt chín phẩm hoặc, đối tượng diệt của kiến đế. Vì sao? Vì đạo, thế gian không có năng lực như đây, do hoặc mạnh, đạo yếu.

Trước đây đã nói do kiến bốn đế, pháp nào gọi là bốn đế?

Kệ nói: Đã nói đế có bốn.

**Giải thích:** Chỗ nào nói? Ở trong phân biệt pháp hữu lưu, vô lưu. Thuyết minh thế nào?

Kệ nói: Thánh đạo, pháp vô lưu.

Đây là căn cứ ở tự danh để nói.

Về diệt đế cũng đã nói, như kệ nói: Trạch diệt, nghĩa là thoát ly  
vĩnh viễn, một trạch diệt đều đối trị các kết.

Khổ đế, tập đế, điều này cũng đã nói. Như kệ nói:

*Thế gian khổ, tập đế  
Kiến xứ và ba hữu.*

Bốn đế có theo thứ lớp đã nói như trước không?

Nói không phải. Tuy nhiên, lại có nghĩa riêng.

Kệ nói:

*Là khổ đế, tập đế  
Diệt, đạo đế cũng vậy.*

**Giải thích:** Trong đây là thứ lớp của bốn đế trước kia. Như trước  
đã nói: Thể tánh của bốn đế. Nay nói cũng vậy.

Vì biểu thị rõ về nghĩa này, nên có lời nói như thế, không cần lập  
lại sự giải thích.

Kệ nói: Đối thứ lớp chánh quán.

**Giải thích:** Nếu quán trước duyên đế này khởi, thù căn cứ ở quán  
đế lập ra đế này làm ưu tiên. Ba đế sau cũng vậy. Nếu không như vậy,  
thì trước hết, cần phải nói nhân, tiếp theo sau, nói quả. Vì sao? Vì có  
pháp khác tùy thuận sinh, lập ra thứ lớp. Ví như niệm xứ và định v.v...  
hơn nữa có pháp lại thuận theo làm rõ tướng mạo để nói là thứ lớp, như  
nói chánh cần. Vì sao? Vì không có nghĩa nhất định. Nghĩa là trước khởi  
dục, vì diệt ác đã sinh, sau khởi dục, vì khiến ác chưa sinh, không sinh.  
Lại có pháp khác thuận theo chánh thuyết để lập thứ lớp. Ví như tám  
phần Thánh đạo.

Nay, thuyết minh bốn đế là thuận theo tu đối với thứ lớp chánh  
quán.

Lại nhân của hữu gì tu quán có thứ lớp như đây?

Là chỗ vướng mắc ái. Đối với chỗ có thể ràng buộc, tức chủ thể,  
đối tượng ràng buộc giải thoát. Nhân đây mong cầu giải thoát. Trong  
địa vị quán sát, đầu tiên, vì phát khởi thứ lớp quán như đây, nên trước  
hết, cần lựa chọn nỗi khổ. Nỗi khổ này lấy pháp nào làm nhân? Nên  
tiếp theo, lựa chọn diệt. Diệt này lấy pháp nào làm đạo? Nên tiếp theo  
chọn lựa đạo. Thí dụ như trước quán chứng bệnh và phương thuốc diệt  
trừ bệnh. Ở trong kinh, Phật, Thế Tôn đã chỉ rõ về bốn đế. Thí dụ như  
đây ở trong kinh nào?

Trong Kinh Y Thí. Kinh nói: Nếu thầy thuốc tương ứng với đức bốn  
phần, sẽ có khả năng cứu giúp, chữa trị sự đau đớn của người khác.

Những gì là đức của bốn phần?

1. Nhận thức chứng bệnh.
2. Nhận thức nhân duyên của chứng bệnh.
3. Nhận thức về diệt trừ bệnh.
4. Nhận thức về phương thuốc chữa trị bệnh (nói rộng như kinh).

Như thứ lớp trong địa vị quán sát, lựa chọn bốn đế, thứ lớp bốn kiến đế trong địa vị tu quán cũng vậy. Do trước hết, tập lợi. Ví như đối với mình, đã thấy đất không có trở ngại, nên tha hồ cho ngựa chạy.

Đối với chánh quán: Câu này có nghĩa gì?

Lấy sự hưởng về chánh giác làm nghĩa.

Sao sự hưởng về này chỉ vô lưu, không phải hữu lưu?

Do sự hưởng về này vì đối với duyên Niết bàn, cảnh chân thật khởi, nên gọi là chánh. Vì chưa từng biết mà biết, nên gọi là giác và vì như thật có thể đi suốt qua cảnh thanh tịnh. Trong đây, là quả thủ ấm, gọi là khổ đế. Nhân thủ ấm, gọi là tập đế vì tập khổ sinh từ tụ ấy. Thế nên, hai đế này do nghĩa nhân quả khác, nên gọi có khác, chứ không do vật thể khác. Hai đế diệt, đạo không chỉ do danh khác, mà cũng do vật thể khác.

Ở trong kinh nói có bốn Thánh đế, thuyết này có nghĩa gì?

Pháp này chỉ là đế (chân lý) của Thánh nhân. Thế nên trong kinh gọi là Thánh đế.

Nếu vậy, bốn pháp này đối với người khác là vọng?

Không, đối với tất cả người đều là đế, vì lẽ không có điên đảo. Trong đây, như Thánh nhân quán người khác kia, vì không thể quán như đây, nên nói đế này chỉ đối với Thánh nhân là đế còn đối với phi Thánh nhân thì không phải, do vì quán điên đảo. Như kệ nói:

*Thánh nhân nói là vui  
Người khác nói là khổ  
Người khác nói là tịnh,  
Thánh nhân nói là khổ.*

Có hai đế chỉ Thánh đế và có hai đế không phải Thánh đế. Sự khác nói như vậy: Nếu tiếp nhận một phần là tự tánh khổ, thì sao lại nói tất cả hữu vi, hữu lưu đều gọi là khổ đế?

Kệ nói:

*Khổ do hợp ba khổ  
Như lý đều rốt ráo  
Đáng yêu, không đáng yêu  
Và hành hữu lưu khác.*

**Giải thích:** Loại khổ có ba thứ:

1. Loại khổ khổ.
2. Loại hành khổ.
3. Loại hoại khổ.

Vì tương ứng như lý với ba khổ rất ráo, nên tất cả pháp hữu vi hữu lưu đều là khổ. Trong đây, điều đáng yêu do hoại khổ, nên khổ. Không phải đáng yêu, do khổ khổ nên khổ. Khác với hai khổ này, các khổ khác do hành khổ, nên khổ.

Những gì là điều đáng yêu, không phải điều đáng yêu, không phải hai thứ ấy?

Nghĩa này là ba thọ như thứ lớp. Do vì tương ứng với ba thọ, nên tất cả pháp hữu vi, hữu lưu, được đáng yêu, không phải đáng yêu v.v... Vì sao? Vì lạc thọ này đối khác, tức là khổ. Như kinh nói: Khi lạc thọ sinh thì vui, khi trụ thì vui, khổ lúc bị hủy hoại. Khổ thọ do tánh nên khổ. Nghĩa là khổ lúc sinh, khổ khi trụ. Bất khổ bất lạc thọ, do hành nên khổ, vì nhân duyên mà sinh khởi. Như kinh nói: Nếu vô thường tức là khổ, như thọ tương ứng với thọ, pháp hữu vi lẽ ra cũng nói như thế.

Có sư khác nói: Khổ thọ chỉ do loại khổ, nên khổ. Lạc thọ chỉ do hủy hoại nên khổ, cho đến hành khổ cũng vậy. Do đáng yêu không đáng yêu, vì không khắp, nên hai thứ này gọi là nổi khổ không đủ phần. Tất cả pháp hữu vi vì do hành khổ, nên đều là khổ. Hai thọ trước vì cũng do hành khổ, nên khổ, thành thử một hành khổ này gọi là đủ phần khổ. Nổi khổ này chỉ Thánh nhân mới có thể thấy. Trong đây, kệ nói:

*Như một sợi lông mi  
Ở bàn tay không thấy  
Lông này rớt trong mắt  
Sẽ tổn hại không yên.  
Phàm phu như bàn tay  
Không biết lông hành khổ  
Thánh nhân như tròng mắt  
Do đấy sinh chán sợ.*

Vì sao? Vì chúng sinh phàm phu ý sợ khổ đối với năm ấm của ở A-tỳ-chỉ, cũng không bằng Thánh nhân sinh ý sợ khổ các ấm ở trời Hữu đảnh.

Nếu như vậy, đối với đạo đế, lẽ ra phải lập nghĩa hành khổ, do vì pháp hữu vi này?

Nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì nổi khổ là tương trái nghịch với ý, nên đạo không phải khổ. Vì sao? Vì sự sinh khởi của đạo này không trái ý Thánh nhân, nên có khả năng dẫn dắt được diệt hết tất cả

khổ.

Nếu Thánh nhân do tướng tĩnh lặng, quán sát Niết-bàn, thì pháp này do tướng mạo khổ. Thánh nhân quán tướng đó là khổ, chỉ nỗi khổ này diệt, Thánh nhân mới quán là tĩnh lặng.

Ở trong các pháp, nếu có lạc thọ thì sao lại nói chỉ có khổ Thánh đế?

Do vì niềm vui ít. Ví như trong đồng đậu đen cũng có lẫn lộn đậu xanh mà nói là đồng đậu đen. Sư khác nói như thế. Vì sao? Vì người trí tuệ nào, do dùng nước lạnh rưới phốt lên mặt nhọt, có cảm giác vui nhẹ, rồi chắp mặt nhọt là niềm vui.

Trong đây sư bộ khác nói kệ:

*Do có thể làm nhân khổ  
Với mọi khổ xen tạp  
Do chỗ yêu thích khổ  
Nên nói vui là khổ.*

Tất cả có khổ, vui, Thánh nhân quán là khổ. Do hành khổ đồng một vị, thế nên lập nỗi khổ là Thánh đế, không lập là lạc.

Sao dùng tướng khổ để quán tự tánh mừng, vui, thọ là khổ?

Do pháp hữu lưu vô thường, vì hay trái ý nên khổ. Ví như phàm phu kia dùng tướng khổ để quán sắc, tướng v.v... thì sắc v.v... cũng không phải khổ, như khổ thọ. Lời mà ông đã nói: Do nhân khổ, nên khổ. Nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì chắp này là tướng tập, không phải tướng khổ.

Các Thánh nhân ở trong cõi Sắc, Vô sắc sinh, làm sao khởi tướng khổ? Vì sao? Vì đối với năm ấm của chúng sinh kia không phải lại là nhân khổ?

Lại nữa, ở trong kinh nói: Hành khổ đâu có dùng. Nếu Thánh nhân đối với niềm vui, thì do vô thường nên quán khổ.

Tướng vô thường, tướng khổ, có gì khác biệt?

Do sinh, diệt là pháp. Thế nên vô thường. Do hữu thường lưu hay trái ý nên là khổ. Nếu thấy vô thường, thì cái thấy này tức thường trái ý. Thế nên, tướng vô thường có thể dẫn đến tướng khổ.

Có bộ khác nói: Quyết định không có lạc thọ, tất cả thọ chỉ là khổ. Làm sao biết thế? Do kinh A-hàm và đạo lý.

Do kinh A-hàm là sao?

Phật, Thế Tôn nói: Tùy thuộc những gì đã có tiếp nhận, đều là tên gọi khác của khổ.

Lại có thuyết khác nói: Nên dùng tướng khổ để quán lạc thọ.

Lại có thuyết khác nói: Đối với nỗi khổ, chấp cho là tướng lạc, nói là điên đảo. Do kinh A-hàm nên biết như vậy.

Thế nào là do đạo lý?

Vì nhân vui không nhất định. Vì sao? Vì tùy thuộc có uống, ăn, lạnh, nóng v.v..., chúng sinh chấp là nhân vui. Nếu dùng quá lượng, dùng phi thời, thì nhân lại trở thành nhân khổ. Nghĩa này không hợp lý. Nghĩa là do nhân vui tăng trưởng, hoặc do bình đẳng thì đối với phi thời, đều sinh khổ. Thế nên, thuyết kia nói: Ngay từ đầu đều là nhân khổ, không phải là nhân vui. Thời gian sau, nỗi khổ này được tăng trưởng dần, mới được biểu lộ rõ. Về sự khác biệt của oai nghi, cũng nên như đây. Về đối trị khổ và đối với sự khác biệt của nỗi khổ là do khởi tướng lạc. Vì sao? Vì tùy thuộc những tư trợ đời sống như thức uống, ăn của thế gian, cho đến chưa bị bức xúc do nỗi khổ khác, nếu tiếp nhận thì sẽ không thừa nhận là vui.

Về nỗi khổ khác nghĩa là khổ do đói, khát, lạnh, nóng, mệt mỏi, ái dục sinh ra. Thế nên, người ngu đối với việc đối trị khổ, khởi tướng lạc, chứ không phải sự khác biệt đối với vui, khổ.

Cũng vậy, tất cả phàm phu ở trong nỗi khổ đó, khởi tướng lạc. Ví như gánh nặng phải đổi vai. Thế nên, do đạo lý này, nhất định biết không có niềm vui.

Sư A-tỳ-đạt-ma nói: Quyết định có niềm vui. Chấp này hợp lý.

Làm sao biết thế?

Trong đây, nên hỏi người bác bỏ không có niềm vui:

Pháp nào gọi là khổ? Nếu ông nói: Sự bức não, gọi là khổ, thì niềm vui này làm sao bức não? Nếu ông nói: Sự tổn hại là khổ, thì niềm vui tăng ích sao lại tổn hại? Nếu ông nói: Không phải điều mình được yêu là khổ, đây tức là đối tượng yêu làm sao là khổ? Sau khi đã yêu mến đối với Thánh nhân, lại không phải đối tượng yêu mến. Nghĩa là vào thời điểm lìa dục. Thế nên niềm vui này không thành tựu. Vì không thành tựu, nên phải có đối tượng yêu mến. chứ không do nghĩa khác. Vì sao? Vì nếu thọ do tự thể tánh là đối tượng ái thì thọ này do tự thể tánh. Chứ không có lúc nào không nhân của hữu để trở thành không phải đối tượng ái. Nghĩa này nên như thế. Vì sao? Vì do Thánh nhân lấy tướng lỗi lầm khác mà chán ghét thọ này. Thánh nhân kia quán thọ này là nơi phóng dật (buông lung), do công sức lớn đã trở thành sự biến đổi khác vô thường.

Do nghĩa như thế, nên không phải đối tượng ái cũng không do tự thể tướng. Nếu thọ này do tự thể vốn không phải đối tượng ái, lẽ tất

nhiên, ở trong đó sẽ không có người nào sinh khởi ái dục, và không nên vì lìa dục. Thọ này do đạo lý riêng quán sát lỗi lầm, thế nên biết được do tự thể tướng, nhất định có lạc thọ. Đây là lời ông đã nói.

Phật, Thế Tôn nói: Tùy thuộc vào những gì đã tiếp nhận, đều là tên gọi khác của khổ. Kinh này, Đức Thế Tôn tự hiểu rõ về nghĩa khổ thọ kia. Kinh nói: A-nan-đà! Ta đã căn cứ vào các hành vô thường và vì pháp hữu vi biến đổi khác, nên nói là tùy thuộc vào những gì đã tiếp nhận, đều là tên gọi khác của khổ.

Nên biết Phật không dựa vào khổ khổ để nói kinh này. Nghĩa này tự nhiên thành.

Lại nữa, nếu do tự tánh nên tất cả thọ đều là khổ, thì đâu dùng tịnh mạng? A-nan-đà đã hỏi Phật như vậy: Sao Thế Tôn nói: Thọ có ba thứ, nghĩa là lạc, khổ, bất khổ bất lạc?

Đức Thế Tôn lại nói: Tùy thuộc những gì đã tiếp nhận đều là tên gọi khác của khổ.

Đức Thế Tôn đã căn cứ ở nghĩa nào để nói lên lời này? Nghĩa là tùy thuộc vào thọ đã có, đều là tên riêng của khổ.

Nếu như ông đã chấp tịnh mạng của lý này, thì A-nan-đà nên hỏi Phật như đây: Thế Tôn đã căn cứ vào nghĩa nào để nói lời này? Nghĩa là thọ có ba thứ.

Phật, Thế Tôn nên đáp: A-nan-đà! Thuyết này là do ý riêng mà nói, nghĩa là thọ có ba thứ.

Phật, Thế Tôn đã không nói như thế. Thế nên, do thể tánh có thật ba thọ, nên biết kinh này nói là căn cứ vào ý riêng nói. Nghĩa là tùy thuộc vào những gì đã tiếp nhận, đều là tên gọi khác của khổ. Như lời ông đã nói: Nên dùng tướng khổ để quán lạc thọ. Nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì trong thọ này có hai tánh:

1. Tánh có vui, do tự tánh là đối tượng ái.
2. Tánh có khổ, do đạo lý riêng, là pháp vô thường đổi khác.

Nếu dùng tướng vui để quán thọ này sinh sự ràng buộc người khác, thì do chúng sinh có dục, nên chúng sinh ưa ăn vị này. Nếu dùng tướng khổ để quán thọ này, thì có thể giải thoát. Chúng sinh có ràng buộc, và do ở ràng buộc này, vì được lìa dục, nên như lý đã thấy, có thể khiến giải thoát. Chư Phật Thế Tôn tùy thuận lý như đây, đã khéo giáo hóa chúng sinh, sao cho họ tu học quán này.

Làm sao biết được thọ này, vì do tự tánh nên vui?

Do đấy, kệ nói:

*Đã biết hành vô thường*

*Quán hành kia đối khác  
Nên nói các thọ khổ  
Người trí biết đúng pháp.*

Là lời mà ông đã nói. Đối với khổ, chấp tướng lạc, nói là điên đảo, nên biết không có vui. Nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì lời nói này là thuyết không liễu nghĩa. Thế gian có tướng lạc ở trong tiếp nhận dục trần và nơi sinh. Lạc thọ trong đây, do đạo lý riêng có khổ. Nếu thấy toàn vui đó là thấy điên đảo. Dục trần vui ít, khổ nhiều. Nếu hoàn toàn quán có vui, gọi là điên đảo. Nơi sinh cũng vậy.

Thế nên, do chứng này, bác bỏ không có vui. Nghĩa này không thành. Nếu do tự tánh thì hết thấy thọ đều khổ.

Lại nữa, thọ có ba thứ, lời nói này có công đức gì?

Nếu ông nói: Do tùy thuận thế gian, nên nói, thì nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì tất cả thọ đều khổ. Lời nói này do ý riêng nên nói.

Lại nữa, do thuyết chân thật nói. Như kinh nói: Là lạc căn, là hỷ căn, nên thấy hai căn này gọi là lạc thọ. Là khổ căn là ưu căn, nên thấy hai căn này được gọi là khổ thọ.

Nói rộng như đây xong.

Nếu người nào thực hiện như đây, do chánh trí quán sát như thật năm căn, người ấy tức sẽ xa lìa và diệt ba kết như đây v.v...

Thế gian phân biệt khổ thọ có ba phẩm là sao?

Nếu ông nói ở trong phẩm trung, thượng, hạ, như thứ lớp, thế gian khởi ý lạc thọ v.v..., thì nghĩa này không hợp lý. Vì lẽ lạc cũng có ba phẩm. Thế nên ở trong khổ của phẩm hạ, lẽ ra phải khởi ý lạc của phẩm tối thượng?

Nếu người nào đang thọ hưởng loại thù thắng: hương, vị, xúc v.v..., nảy sinh niềm vui, thì lúc bấy giờ, người ấy sẽ cảm thọ nỗi khổ nào?

Người ấy sẽ cảm thọ nỗi khổ phẩm hạ. Ở trong đó, khởi tâm vui.

Nếu vậy, khi khổ thọ này chưa sinh và lúc diệt, lẽ ra phải sinh ý vui của phẩm tối thượng? Vì nỗi khổ đã diệt không còn, nên khi vui dục trần hiện tiền, phải nói như thế.

Lại nữa, lối chấp này thế nào tương ứng với lý. Nghĩa là ở trong khổ thọ của phẩm nhẹ, rõ ràng đã thọ lãnh rất nặng khởi, ở trong khổ thọ của phẩm trung mà không phân minh.

Lại nữa, đối với ba định, lạc thọ là nỗi khổ nhẹ. Từ định thứ tư trở lên, phi khổ, phi lạc thọ, là nỗi khổ trung.

Lối chấp này thế nào như lý?

Nghĩa là ở trong nỗi khổ phẩm v.v... nhẹ, phân biệt lạc thọ v.v...



Phật, Thế Tôn nói: Ma-ha-na-ma! Nếu sắc chỉ khổ, không phải lạc không phải cái tùy thuộc ở lạc (nói rộng như kinh). Thế nên, biết có lạc thọ, chỉ không thành tựu, không thể do như ông đã dẫn kinh chứng minh cho nghĩa không có lạc thọ được thành. Như lời ông đã nói: Do nhân vui không nhất định, nên không có niềm vui. Nghĩa này không hợp lý. Vì không hiểu nghĩa nhân, nên mới nói lời này. Vì sao? Vì quán các trần, y chỉ sự khác biệt của phần vị, trở thành là nhân vui, hoặc trở thành nhân khổ. Không những chỉ trần, nếu đạt đến sự khác biệt của phần vị nương dựa này, tất nhiên các trần đều trở thành nhân vui. Vì không có lúc nào đã đạt đến đây mà không trở thành nhân vui, thế nên, có thể lập nhân vui làm định lượng. Ví như thế lửa, quán nên nấu chín, sự khác biệt của phần vị thức uống, ăn sẽ trở thành là nhân của cái chín ngon lành. Thế lửa này tức là nhân của sự chín, ngon. Nếu đã đạt đến đây thì nên nấu chín, sự khác biệt của phần vị thức uống ăn, tất nhiên sẽ trở thành nhân của chín, ngon. Không có khi nào đã đạt đến đây mà không trở thành nhân của sự chín, ngon.

Nhân vui ở trong định, sao lại không nhất định? Là lời ông đã nói: Đối với đối trị khổ, do khởi tưởng lạc.

Nghĩa này không hợp lý (lối chấp này trước đây đã phá).

Nếu người nào ở vào thời điểm này, đang thọ dụng hương v.v... loại tốt... từ sai biệt này, đã sinh lạc thọ, thì người đó sẽ nảy sinh tưởng lạc ở trong việc đối trị. Nếu nỗi khổ này chưa sinh và đã diệt, thì tưởng lạc này lẽ ra phải khởi một cách phân-minh. Ở trong lạc của định, nếu sinh tưởng lạc, là đối trị nào? Đối với gánh nặng phải đổi vai ở phần vị khác sinh, tất nhiên là có lạc thọ, cho đến phần vị thân tướng như đây chưa diệt. Nếu không như vậy, tưởng lạc sau cuối phải khởi rất nặng. Như người rất uể oải này phải đổi thay trong oai nghi, nên biết cũng vậy. Như lời mà ông đã nói: Thời điểm sau, làm sao khởi tưởng khổ, nếu ngay từ lúc đầu không nảy sinh nỗi khốn khổ dần dần.

Nghĩa này không hợp lý, do lẽ sự khác biệt đối khác của thân. Ví như rượu v.v..., vị đầu tiên ngọt, vị sau chua. Thế nên lạc thọ nhất định có. Nghĩa này nên thành lập.

Do tương ứng với ba khổ, nên tất cả pháp hữu lưu đều là khổ, là tập đế đã nói, tức là khổ đế. Lời nói này mâu thuẫn với kinh. Vì sao? Vì ở trong kinh nói chỉ tham ái là tập. Do tham ái vượt trội hơn, nên trong kinh nói là tập, không bác bỏ các pháp khác là tập.

Về nghĩa này làm sao có thể biết được?

Do ở chỗ khác cũng nói pháp khác là tập. Phật, Thế Tôn nói kệ:

*Nghiệp, tham ái, vô minh  
Ba thứ ở vị lai  
Thường làm nhân các hữu.*

Lại có kinh nói: Năm thứ loại chủng tử, là tên riêng của hữu thủ thức giới, địa là tên riêng của bốn thức trụ. Thế nên, lời nói này trong kinh, do nói theo ý riêng, nên không liễu nghĩa. Trong Tạng A-tỳ-đạt-ma, lời nói được căn cứ ở pháp tướng. Lại nữa, Phật, Thế Tôn muốn nói pháp hữu vi nối tiếp nhau, vì luôn là nhân của hữu, nên nói sự tham ái là tập. Phật muốn nói nhân của sự sinh, và vì nhân của hữu, nên ở trong kệ nói là pháp khác, nghĩa là nghiệp tham ái, vô minh. Như kinh nói: Nghiệp đối với sự sinh là nhân, sự tham ái đối với hữu là nhân.

Lại nữa, do trong kinh nói: Vì nhân của hữu, có duyên, có phát khởi thứ lớp, nên Phật, Thế Tôn an lập hạt giống và ruộng. Nói thức v.v... cũng là nhân.

Pháp nào gọi là sinh, pháp nào gọi là hữu?

Sự khác biệt của phẩm loại: giới, đạo, sinh v.v... Giữ lấy thân này, gọi là sinh. Nối tiếp không có khác biệt hữu sau, gọi là hữu hai thứ này, theo thứ lớp lấy nghiệp và hữu, ái làm nhân. Ví như hạt giống Xá-lợi, lúa mì v.v... Do vì phẩm loại có khác biệt, nên có công năng làm nhân sinh ra mầm khác biệt. Nước v.v... vì không có khác biệt, nên có công năng chung làm nhân nảy sinh tất cả mầm. Nghiệp và tham ái, thí dụ như đây. Sự tham ái là nhân của hữu. Trong đây, có đạo lý nào làm chứng? Người không có tham ái, thì không tiếp nhận sự sinh. Vì sao? Vì cả hai người có ái, không có ái đều cùng chết, chỉ thấy có ái lại sinh, không thấy không có ái lại sinh. Do lia tham ái, nên không có sinh. Nên biết tham ái là nhân của hữu.

Lại nữa, do sự nối tiếp nhau, chuyển biến, nên nếu trong chỗ này có tham ái, kiến, tâm nối tiếp nhau, thì ở chỗ có tham ái đó sẽ thường xuyên chuyển biến. Thế nên, ở trong vị lai, do tỷ lượng, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, lại không có hoặc khác nào có thể chấp lấy thân này, cũng như tham ái. Ví như cần dùng tơ mỏng vụn vặt để xoa nắn khô ráo trong phần tắm rửa, không nhân của hữu khác. Sự vướng mắc vững chắc như đây giống như ngã ái, đây tức là đạo lý. Có chỗ, Phật, Thế Tôn nói: Đế có bốn thứ, có chỗ nói đế có hai thứ, nghĩa là Tục đế và Chân đế.

Hai đế này có tương gì?

Kệ nói:

*Nếu vỡ, không trí kia*

*Do trí, trừ mọi khác  
Tục đế như nước bình  
Khác đấy gọi Chân đế.*

**Giải thích:** Nếu từng phần vật dụng bị bể, thì trí vật sẽ không khởi. Vật này gọi là tục hữu. Ví như bình v.v... Bình này nếu bể thì sẽ trở thành ngói, trí duyên bình ngói này thì không khởi. Thế nên, các vật bình v.v... do hình tướng giả có. Lại nữa, trong vật này, do trí phân-tích, loại bỏ pháp khác. Đối với vật ấy, trí cũng không khởi, nên vật ấy gọi là tục hữu. Ví như nước v.v... Nếu nước này do trí phân tích, loại trừ pháp sắc đại v.v..., trí nước thì không khởi. Thế nên, các vật như nước v.v..., do giả tụ tập, nên có. Do môn danh, câu, chữ biểu thị rõ nghĩa chân thật, nên duyên danh, câu, chữ, khởi trí ở nghĩa chân. Nếu khi nhập quán thì sẽ không thể duyên danh v.v..., nếu khi xuất quán, thì sẽ không thể duyên nghĩa chân. Thế nên, danh v.v... và trí này, do chỉ bày rõ là giả, nên có.

Trong ba pháp này, dùng pháp nào làm tục?

Chỉ danh được tạo nên, không có “thể” là tục. Do tùy thuận thế gian, nói có tên bình, nước v.v... gọi là thật ngữ không nói là giả dối. Thế nên, lập pháp này làm Tục đế. Là ba pháp ấy, pháp khác được gọi là chân đế.

Nếu từng bộ phận vật bị bể, thì trí vật khởi không khác. Nếu do trí phân tích, loại trừ pháp khác, thì trí vật cũng không khác. Nếu rời danh v.v... thì trí đối với cảnh giới, cũng sẽ không khác. Nói pháp này, gọi là chân thật. Thí dụ như sắc v.v..., nếu căn cứ ở Lân hư, thì trí phân tích sắc này. Và, do trí trừ các pháp vị v.v... nên trí duyên sắc khởi không khác. Như sắc thọ v.v..., nên biết cũng thế. Đây gọi là chân đế của thế gian.

Pháp như thế v.v... do vì có thật của thế gian, nên lập làm Chân đế.

Lại Có sư khác nói: Nếu pháp là đối tượng duyên của trí xuất thế, hoặc là đối tượng duyên của hậu trí xuất thế thì như đây cũng nói tên Chân đế. Nghĩa là chân của chân đạo, quả của chân cảnh giới. Nếu pháp khác khác với ba pháp này, gọi là Tục đế.

Đã lược thuyết minh các đế xong. Nếu nói rộng, nên biết, như Luận Lục Thắng Trí thuyết minh: Tu phương tiện nào có thể nhập bốn đế quán? Nên nói nghĩa này. Thế nên, từ phát hạnh đầu tiên theo thứ lớp, nay sẽ nói.

Kệ nói:

*Trụ hạnh thiện có văn*

*Sau tư, học tu tuệ.*

**Giải thích:** Nếu người cầu mong quán bốn đế, thì đầu tiên từ học giữ giới. Tiếp theo nhận lấy học tùy thuận câu, văn của bốn đế quán. Tiếp theo, nghe chánh nghĩa của câu văn. Lắng nghe xong, như lý chánh tư duy nghĩa. Tư duy không có điên đảo xong, về sau tu tập hành quán sao cho trở thành tu tuệ. Người này nương tựa văn tuệ, sinh tư tuệ, dựa vào tư tuệ, sinh tu tuệ.

Tướng của ba tuệ này là gì?

Kệ nói:

*Danh, hai nghĩa, cảnh giới*

*Văn, tư, tu ba tuệ.*

**Giải thích:** Luận kia nói: Văn tuệ chuyên danh làm cảnh, tư tuệ chuyên danh nghĩa làm cảnh. Có lúc do câu, văn dẫn nghĩa, đôi khi do nghĩa dẫn câu văn. Tư tuệ chỉ chuyên nghĩa làm cảnh. Vì sao? Vì tuệ này đã thành, nên không quán văn tự, chỉ chuyên nghĩa khởi. Ví như có người chưa từng học bơi lội, thì không rời chiếc phao nổi. Nếu đã học chưa thành, thì hoặc ví, hoặc giữ lấy. Nếu học đã thành thạo, thì sẽ không nương tựa vào phao nổi nữa, mà tự có thể lội qua sông được. Ba tuệ thí dụ như vậy.

Sư Tỳ-bà-sa thuyết minh như thế này: Ở trong sự phân biệt ấy, tư tuệ không thành tựu. Vì lẽ, nếu tư tuệ chuyên danh khởi, sẽ trở thành văn tuệ, nếu chuyên nghĩa khởi sẽ trở thành tu tuệ. Nếu lập tướng của ba tuệ như đây, sẽ không có lỗi lầm. Căn cứ ở Thánh ngôn lượng, được sinh trí quyết định, gọi là văn tuệ.

Dựa vào đạo lý lựa chọn Thánh giáo, được sinh trí quyết định, gọi là tư tuệ.

Căn cứ vào Tam-ma-đề, được sinh trí, gọi là tu tuệ. Ba tuệ này đều căn cứ ở nhân, được mang tên. Nhân nghe sinh, gọi là văn tuệ. Tư tuệ, tu tuệ cũng vậy. Ví như nói: ăn là mạng, hoặc nói cỏ là bò. Nếu người dùng mảnh cầu được tu quán, thì sự tu quán này làm sao được thành? Thế nên phải nói đến thứ lớp của nghĩa này.

Kệ nói: Có hai người lìa.

**Giải thích:** Nếu người do thân, do tâm, thì có khả năng xa lìa trụ. Nghĩa là xa lìa mọi xen tạp và cái giác quán v.v..., các pháp ác. Xa lìa hai thứ này đối với người nào dễ thành tựu tốt?

Nếu người có tri túc, có thiếu dục.

Kệ nói: Điều biết đủ, dục lớn.

**Giải thích:** Nếu người không biết đủ, thì sẽ có dục lớn. Đối với

người này, xa lìa hai pháp này, tất sẽ khó được thành. Nếu có thành, cũng sẽ không thanh tịnh.

Tướng riêng của không tri túc và dục lớn này thế nào?

Kệ nói:

*Trước, đã được, cầu nhiều*

*Sau chưa được, cầu được.*

**Giải thích:** Người kia nói: Đã được duyên, y phục v.v... khả ái lại mong cầu được nhiều, nói là không tri túc, cầu được cái chưa được, gọi là dục lớn.

Sư A-tỳ-đạt-ma nói như vậy: Vì không như vậy ư? Người cầu được nhiều này, đối với chưa được khởi, không phải đối với điều mình đã được.

Nếu vậy, hai người này đâu có khác! Các ông nên nói: Nếu chấp như đây, thì nghĩa này có thể hợp lý: Do điều mình đã được không phải khả ái, không phải duyên nhiều y phục v.v..., tâm lo lắng không yên, nói là không biết đủ. Chưa được cái đáng yêu và cầu nhiều được, gọi là dục lớn.

Kệ nói: Trái với đây, hai đối trị.

**Giải thích:** Trái với không biết đủ và dục lớn, nên biết hai thứ pháp làm đối trị, nghĩa là tri túc và thiếu dục.

Kệ nói: Hoặc vô lưu ba cõi.

**Giải thích:** Hai thứ đối trị này, hoặc thuộc về ba cõi, hoặc thuộc về cõi vô lưu. Không tri túc và dục lớn, chỉ thuộc về cõi Dục.

Tự tánh của tri túc, thiếu dục ra sao?

Kệ nói: Loại không có tham.

Giải thích: Thiện căn không có tham làm tánh.

Kệ nói: Thánh chủng.

**Giải thích:** Tri túc, thiếu dục này lấy vô tham làm tánh, thế nên nhập thuộc về Thánh chủng. Do Thánh nhân từ vô tham kia sinh, nên nói vô tham kia là Thánh chủng. Thánh chủng này lấy vô tham làm tánh.

Kệ nói: Ba trước, thể tri túc.

**Giải thích:** Ba trước, nghĩa là thuận theo biết đủ được y phục, uống ăn, chỗ ở. Biết đủ ba thứ này, là thể của ba Thánh chủng trước. Chủng Thánh thứ tư, nghĩa là tu diệt hý luận.

Sao chủng Thánh thứ tư này lấy vô tham làm tánh?

Do trái với hữu dục, muốn sinh nơi cõi Dục.

Lại nữa, do bốn Thánh chủng, Phật, Thế Tôn chỉ rõ nghĩa gì?

Kệ nói: Lại, chỉ rõ nghiệp ba sinh.

**Giải thích:** Phật, Thế Tôn đã làm Pháp chủ, đệ tử đã từ bỏ sinh cụ và cơ nghiệp để xuất gia, nương tựa Phật, nhằm cầu giải thoát. Pháp chủ lập hai sự chánh:

1. Sinh cụ.
2. Cơ nghiệp.

Do ba Thánh chủng trước đã an lập sinh cụ, và Thánh chủng thứ tư an lập cơ nghiệp rời dựa vào sinh cụ này, các vị đã tạo ra cơ nghiệp như đây, chẳng bao lâu sẽ phải đến được giải thoát.

Sao pháp chủ an lập sinh cụ như đây và cơ nghiệp?

Kệ nói: Vì đối trị ái sinh.

**Giải thích:** Ở trong kinh nói tham ái sinh có bốn thứ. Như kinh nói: Tỳ-kheo nhân y phục, tham ái dục đời đời, muốn trụ trụ, muốn nhận lấy và nhận lấy. Nhân uống ăn và chốn ở, tham ái dục đời đời, muốn trụ trụ, muốn nhận lấy, nhận lấy. Tỳ-kheo nhân có, không phải có như đây, tham ái dục đời đời (nói rộng như kinh).

Vì đối trị bốn thứ tham ái này, nên nói bốn Thánh chủng.

Kệ nói:

*Ái loại ngã, ngã sở  
Vì tạm, vĩnh viễn diệt.*

**Giải thích:** Đây là nghĩa đã nói trước kia. Lại vì có ý riêng, nên nay cần nói lại.

Loại Ngã sở: Ba thứ y phục v.v... Loại ngã, nghĩa là tự thân đối với hai sinh ái này. Trong đây, vì tạm thời diệt ái loại ngã sở, nên lập ba Thánh chủng trước. Vì vĩnh viễn diệt bốn ái: Nghĩa là diệt ái loại ngã sở và loại Ngã, nên lập Thánh chủng thứ tư (nghĩa này đã nói).

Do nhân nghĩa này, nên người quán hành được khéo điều phục, về sau, tu quán sẽ được thành. Nếu người đã điều phục thì sẽ có khả năng làm chỗ dựa cho đạo.

Ở trong việc tu tập, duyên pháp môn nào được nhập tu quán?

Kệ nói:

*Nhập tu do hai nhân  
Quán bất tịnh, niệm hơi thở.*

**Giải thích:** Người nào nhân quán bất tịnh, nhập tu? Người nào nhân niệm hơi thở nhập tu theo thứ lớp?

Kệ nói: Dục nhiều, giác quán nhiều.

**Giải thích:** Nếu người hành dục luôn khởi, hoặc khởi lại, thì người này do quán bất tịnh, được nhập ở tu tập. Nếu người do nhiều hành giác

quán, khởi tâm tán loạn, thì người này do niệm A-na-ba-na, được nhập ở tu đạo. Vì sao? Vì niệm này do không duyên nhiều thứ cảnh, nên, sinh khởi giác quán, có khả năng tạo ra sự lìa diệt đối trị. Còn quán bất tịnh, do duyên nhiều thứ hình sắc khác biệt làm cảnh, có thể dẫn sinh giác quán.

Sư khác nói như vậy: Lại sư khác nói: Niệm hơi thở, do không duyên môn ngoại khởi, nên không sinh giác quán. Quán bất tịnh, như nhãn thức duyên môn ngoại khởi, có công năng dẫn sinh giác quán.

Do vì quán sát cảnh, nên dục trong đây có bốn thứ:

1. Dục sắc.
2. Dục hình mạo.
3. Dục xúc.
4. Dục oai nghi.

Các sư nói: Vì đối trị dục thứ nhất, người tu hành quán, nên duyên sắc hủy hoại, đen v.v... làm cảnh, tạo ra quán bất tịnh.

Vì đối trị dục thứ hai nên cần phải duyên sắc sinh trưởng lên, hoặc đang bị chim thú rút rữa ăn, tan nát, làm cảnh tạo ra quán bất tịnh.

Vì đối trị dục thứ ba, nên duyên tướng gân đỏ, khung xương làm cảnh, tạo ra quán bất tịnh. Vì đối trị dục thứ tư, nên duyên quán tử thi bất động làm cảnh tạo ra quán bất tịnh.

Các sư nói: Nếu muốn tu đối trị chung,

Kệ nói:

Quán xương chung với đối trị dục.

**Giải thích:** Quán bốn thứ phẩm loại cảnh dục trong đồng xương dính liền với nhau đều không có. Nếu duyên đồng xương này làm cảnh để tu tập quán bất tịnh chung, có công năng đối trị bốn thứ dục. Do quán bất tịnh đều là giả tướng, vì lấy sự tư duy xét lường làm thể, nên không thể vĩnh viễn diệt các hoặc, chỉ có thể chế phục diệt các hoặc.

Người quán hành, tu tập quán bất tịnh có ba thứ:

1. Phát hành quán đầu tiên.
2. Đã thường xuyên tập thành hạnh.
3. Đã vượt qua hạnh tư duy, xét lường.

Trong đây.

Kệ nói:

*Lượng xương khắp đến biển*

*Thêm, bớt, gọi phát đầu.*

**Giải thích:** Nếu người thực hiện quán, muốn tu tập quán bất tịnh, thì bắt đầu từ ở trong phần thân mình, an trí ở tâm, hoặc ở ngón chân,



hoặc ở trên trán, tùy chỗ mình ưa thích. Tâm đã tùy thuộc sự, sau, tạo ra giả tướng ở phần thân, trừ da, thịt, máu v.v... Theo thứ lớp đối trị xương, sao cho sạch, tâm thấy đầy đủ tướng đồng xương. Như trông thấy một đồng xương, giả tướng thấy đồng xương thứ hai cũng vậy.

Theo thứ lớp như thế, tăng trưởng dần, đầy đầy khắp gian phòng, chùa, già-lam, trong nước, cho đến đầy khắp đại địa, lấy biển làm biên giới. Giả tướng thấy đồng xương đầy khắp như đây, làm tăng trưởng ý ưa thích. Về sau, rút bớt lại quán trước, cho đến giả tướng chỉ còn nhìn thấy đồng xương của thân mình, là lược thô dần, vì tâm rộng. Tâm do như tỷ lượng, tự tại quán bất tịnh được hoàn thành. Ở trong phần vị này, người này được gọi là người đầu tiên phát hạnh.

Kệ nói:

*Trừ nửa xương đầu, chân  
Gọi là thường tập thành.*

**Giải thích:** Lại vì lược dần, vì sự khác biệt của lượng tâm tinh tế. Ở trong đồng xương, trừ xương ống chân, tư duy xương khác, gọi là lược dưới. Thứ lớp như đây, cho đến trừ nửa thân và bỏ đi nửa xương đầu, tư duy nửa xương đầu khác, đây gọi là hai sự tĩnh lược thượng, trung. Do ở lược tự tại cuối cùng, nên ở trong phần vị này, người ấy gọi là đã thường tập thành hạnh.

Kệ nói:

*Đặt tâm nơi khoảng mày  
Nói vượt qua tư lương.*

**Giải thích:** Người thực hành quán này, trừ nửa xương đầu còn lại, chỉ yên định tâm ở khoảng chân mày mình, hoặc duyên xương và cảnh khác, nhất tâm được dừng lại ở trong phần vị này. Người này được gọi là người đã vượt qua hạnh tư duy, xét lường, có quán bất tịnh. Do vì cảnh giới nhỏ, nên nhỏ, không do tự tại vì nhỏ, nên nhỏ.

Trong đây, có bốn luận chứng:

1. Đã thuần thực.
2. Tư duy chưa thuần thực.
3. Chưa thuần thực.
4. Tư duy đã thuần thực.

Duyên tự thân, cho đến đồng xương ở ven biển làm cảnh.

Lại nữa, quán bất tịnh này, dùng pháp nào làm tánh? Có bao nhiêu địa, pháp nào làm cảnh? Chỗ nào được sinh?

Về nghĩa này theo thứ lớp nên biết.

Kệ nói:



*Mười địa, tánh vô tham*

*Nhằm thấy cảnh người sinh.*

**Giải thích:** Quán này dùng vô tham làm tánh. Địa có mười thứ, nghĩa là bốn định và bốn định cận biên, định trung gian, cõi Dục, lấy pháp được thấy của cõi Dục làm cảnh, nghĩa là sắc và hình.

Thế nên, định này lấy nghĩa làm cảnh. Nghĩa này có thể hợp lý.

Quán này chỉ ở trong nhân đạo sinh, ở đạo khác thì không có, huống chi cõi khác. Ở trong nhân đạo, trừ Bắc Cưu-lâu.

Do nghĩa như thế, nên quán này gọi là quán bất tịnh.

Thuận theo quán cảnh giới của đời cũng vậy. Nếu Vô sinh là pháp, sẽ duyên ba đời làm cảnh. Do giả tưởng tư duy, nên chỉ là hữu lưu, có ly dục đắc, có gia hạnh đắc. Do vì từng được cái không từng được.

Đã nói tướng quán bất tịnh và sự khác biệt xong. Niệm A-na-ba-na nay sẽ nói.

Kệ nói:

*Niệm A-na-ba-na*

*Cảnh gió năm địa tuệ*

*Thân nương tựa nơi dục.*

**Giải thích:** Nếu gió hướng về thân vào, gọi là A-na. Nếu gió ngược với thân trở ra, gọi là Ba-na. Duyên hai thứ làm cảnh nhớ, giữ, gọi là niệm A-na-ba-na. Niệm này dùng trí tuệ làm tánh nên nói là niệm. Ví như niệm xứ tuệ này nhân sức niệm được thành, nên nói là niệm. Niệm này dựa vào năm địa sinh, nghĩa là ba định cận biên, sơ định trung gian và cõi Dục.

Do thuyết tương ứng với xả, do khổ, lạc tùy thuận giác, quán khởi, định này vì đã là đối trị giác quán, nên không tương ứng với khổ, lạc.

Lại nữa, khổ, lạc là đối trị oán của tâm định. Vì quán này được thành do tâm định, nên không tương ứng với khổ, vui.

Có sự khác chấp: Người thực hành quán, nhập quán bốn định, đều có xả thọ. Đối với sự kia, quán này có tám địa. Vượt qua tám địa này, ở địa khác, vì không phải là địa của hơi thở ra vào, nên định này đã duyên gió làm cảnh. Nương dựa từ cõi Dục sinh, ở trời, người đều có quán này, hoặc do ly dục đắc, hoặc do gia hạnh đắc. Quán này là sự tư duy chân thật, thuộc về người thực hành quán trong chánh pháp.

Kệ nói: Nơi ngoại đạo không có.

**Giải thích:** Ở giáo của ngoại đạo không có quán này. Vì không có chánh thuyết, nên tự họ không thể biết chánh pháp vi tế.

Quán này, kệ nói: Sáu do đếm vân vân.

**Giải thích:** Quán này nếu đủ thì phải tương ứng với sáu nhân, mới được viên mãn. Sáu nhân đó là:

1. Đếm.
2. Theo.
3. An.
4. Tướng.
5. Chuyển.
6. Tĩnh.

Trong đây, ở trong hai hơi thở ra vào, không tạo ra công dụng với tâm, xả tướng của thân, tâm, chỉ do sự nghĩ nhớ, đếm từ một cho đến mười. Do sợ, tâm giản lược và rối loạn, thế nên, không ít, không nhiều. Ở trong sự đếm này, có ba điều sai sót:

1. Đếm giảm, nghĩa là nếu hai, đếm một.
2. Đếm dài, nghĩa là, nếu một, thì đếm hai.
3. Đếm lộn, xen tạp, nghĩa là nếu hơi thở vào thì đếm là ra, nếu hơi thở ra, thì đếm là vào.

Nếu lia ba lỗi này, gọi là đếm thích đáng. Ở khoảng giữa nếu lẫn lộn, thì sẽ đếm lại từ đầu, cho đến được định.

Tùy theo nghĩa là không tạo ra công dụng mà theo đuổi sự vận hành của hơi thở ra vào. Hơi thở này vào, nếu xa, hơi thở ra nếu xa, như hơi thở vận hành, tâm cũng vận hành theo. Hơi thở này là trong thân biến hành, là một phần của thân hành. Như sự vận hành của hơi thở, tâm cũng vận hành theo. Nếu hơi thở vào thì vận hành cổ họng, tim, rún, dưới rốn, bắp vế, bắp chân.

Do những vị trí như thế, thứ lớp cho đến thân, tâm cũng vận hành theo hơi thở. Nếu hơi thở ra vận hành, hoặc ba khuỷu tay, hoặc một tâm, cho đến phong luân và gió Tỳ-lam-bà, tâm cũng vận hành theo.

Do đấy, nên quán tư duy chân thật. Nghĩa này không hợp lý. An: hoặc ở khoảng giữa chân mày, hoặc ở chót mũi, tùy chỗ ưa thích, cho đến ngón chân, sự nghĩ nhớ vững chắc, dừng lại ở chính giữa. Ví như ngọc Ma-ni dựa vào sợi chỉ tơ.

Tướng: Quán sát, nhìn xem hơi thở này là ích lợi hay tổn hại, là lạnh, hay nóng v.v... Quán này không chỉ dùng phong đại làm cảnh, mà cả bốn đại và sắc do tứ đại tạo, tâm và tâm pháp, cũng dùng bốn đại kia làm công cụ nương dựa, dùng năm ấm làm cảnh giới.

Chuyển: chuyển duyên tuệ của cảnh gió, an trí niệm này, ở chỗ thiện căn của phẩm thượng thượng, cho đến Thế đệ nhất pháp.

Tĩnh: Niệm này đã nhập vào trong kiến đạo trong tu đạo.

Có sư khác nói: Từ niệm xứ là đầu tiên, tâm Kim cang là sau, gọi là chuyển. Tận trí, Vô sinh trí, gọi là tịnh. Trong đây, kệ nói:

*Một đếm, hai theo hành*

*Ba an, bốn xét tướng*

*Năm chuyển, sáu thanh tịnh*

*Là quán niệm hơi thở.*

Trong đây, nên biết phương pháp đếm hơi thở ra vào.

Kệ nói:

Thở ra, vào tùy thân

**Giải thích:** Tùy thuộc ở địa mà thân đã nương vào, hơi thở ra vào đồng địa với thân, do hơi thở là một phần của thân. Hơi thở này y chỉ ở thân, tâm mà có sinh khởi khác biệt. Như chúng sinh sinh nơi cõi Vô sắc và ở phần vị Kha-la-lã, ở trong đó không có. Nhập định vô tâm và ở định thứ tư, đối với người này cũng không có hơi thở ra vào. Vì sao? Vì nếu trong thân đã có khoảng trống rỗng, địa của hơi thở ra vào, nếu tâm đang hiện ở trước, thì hơi thở này tất nhiên sẽ sinh khởi.

Nếu người xuất định thứ tư, quán gió, thì hơi thở vào trước. Nếu chết, nếu nhập định thứ tư, quán gió, thì chỉ thở ra, không hít vào.

Kệ nói: Tên chúng sinh.

**Giải thích:** Giả lập một phần trong tụ pháp chúng sinh.

Kệ nói: Không phải nhận lấy.

**Giải thích:** Vì lìa nhau với căn, nên không phải đối tượng nhận lấy của tâm, tâm pháp, và làm nương dựa.

Kệ nói: Đăng lưu.

**Giải thích:** Không phải tăng trưởng, không phải là quả báo. Vì lẽ nếu thân tăng trưởng thì đăng lưu này sẽ không tăng trưởng, nên không phải tăng trưởng. Vì đã dứt đi lại nối tiếp, nên không phải quả báo. Vì sao? Vì sắc không có quả báo. Vì có tướng như đây, nên là đăng lưu.

Kệ nói:

*Chẳng phải đối tượng duyên*

*Là của tâm phẩm hạ*

*Không phải tâm khác.*

**Giải thích:** Hai hơi thở này đồng với tâm địa và tâm của địa trên, có thể duyên địa này làm cảnh, không phải tâm của địa dưới có thể duyên, cũng không phải oai nghi và tâm biến hóa v.v... có thể duyên.

Đã thuyết minh hai pháp nhập tu xong. Do hai pháp môn này, nếu đã được Tam-ma-đề.

Kệ nói:

*Tu quán đã thành tựu  
Mới tu bốn niệm xứ.*

**Giải thích:** Vì thành tựu quán bốn đế, nên tiếp theo, nói tu bốn niệm xứ. Vì sao? Vì bốn niệm xứ thấu tóm chung tất cả pháp, nên có khả năng đối trị bốn thứ điên đảo.

Thế nào là tạo ra quán bốn niệm xứ?

Kệ nói:

*Thân, thọ và tâm, pháp  
Do lựa chọn hai tướng.*

**Giải thích:** Trước, do lựa chọn thân của tướng chung riêng, tiếp theo, lựa chọn thọ, tâm, pháp.

Tướng riêng: Bốn Niệm xứ kia đều có tự tánh riêng.

Tướng chung: Ví như tất cả pháp hữu vi đều lấy vô thường làm tướng. Tất cả hữu lưu đều lấy khổ làm tướng. Tất cả pháp vô ngã, đều lấy không làm tướng.

Lại nữa, thân có tướng riêng lẽ nào?

Bốn đại lấy sự tạo tác làm tướng. Khác với ba thứ trước, gọi là nhập tu quán, quán thân do phần Lân hư và chánh kiến của sát-na diệt. Thân niệm xứ như đây được thành. Niệm xứ khác cũng thế.

Lại nữa, niệm xứ lại có tánh gì?

Niệm xứ có ba tánh. Nghĩa là:

1. Tự tánh của niệm xứ.
2. Niệm xứ tương ứng.
3. Niệm xứ cảnh giới.

Trong đây, tự tánh của niệm xứ:

Kệ nói: Tánh tuệ.

**Giải thích:** Là tuệ gì?

Kệ nói: Văn, tư, tu.

**Giải thích:** Ba tuệ văn, tư, tu là tự tánh của niệm xứ. Căn cứ ở tuệ, niệm xứ trở thành ba thứ.

Kệ nói: Vì cảnh tương ứng khác.

**Giải thích:** Các pháp khác, nếu sinh chung với tuệ, sẽ gọi là niệm xứ tương ứng. Vì tương ứng với tự tánh của niệm xứ, nên có thể duyên niệm xứ cảnh giới. Cảnh giới của hai niệm xứ này được nói là niệm xứ cảnh giới.

Tự tánh của niệm xứ là tuệ.

Làm sao có thể biết?

Đối với thân, quán thân, tướng của thân chung, riêng, gọi là thân

niệm xứ. Do kinh này nói: Pháp nào được gọi là trí tuệ quán? Vì sao? Vì nếu người nào có tuệ ở trong thân nội, lẽ tất nhiên, người đó sẽ có năng lực quán cả hai tướng chung, riêng.

Sao nói tuệ là niệm xứ?

Luận sư Tỳ-bà-sa nói: Vì lẽ niệm nhiều, nên nói là niệm xứ. Phán quyết nghĩa rằng: Do sức niệm an lập thành. Thí dụ như xẻ gỗ phải kiên trì ở cái nêm. Nếu chấp như đây, thì với nghĩa này có thể hợp lý. Do niệm, tuệ được trụ, nên tuệ được mệnh danh niệm xứ. Như đối tượng đã trông thấy, thì không quên. Như Tịnh mạng A-ni-lâu-đà nói: Người thực hành quán này, phải dừng lại trong quán, để quán hai tướng chung, riêng của thân, nghĩ nhớ duyên thân làm cảnh, tức sẽ sinh an trụ lâu dài. Phật, Thế Tôn tự nói: Người thực hiện quán, dừng lại ở trong quán, nhằm quán hai tướng chung riêng của thân, khiến niệm trụ không quên.

Do kinh này nói, nên biết được tuệ là tự tánh của niệm xứ. Xứ này nói nghĩa như đây: Tỳ-kheo! Bốn thứ niệm xứ này, thế nào là sinh tập? Thế nào là diệt, ly? Thực sinh tập tức là thân sinh tập, thực diệt, ly tức thân diệt ly.

Kinh này chỉ nói niệm xứ cảnh giới, qua đó, vì nghĩ nhớ chỉ dừng lại, nên như cảnh giới. Tên xứ kia cũng như vậy, do duyên mình, người khác, và hai sự nối tiếp nhau làm cảnh giới.

Bốn niệm xứ đều có ba thứ:

Kệ nói: Thứ tự như sinh.

**Giải thích:** Tùy thuộc sinh theo thứ lớp kia. Sinh thế nào như thứ tự đứng trước? Như thô, vì quán sát trước, nên do thân là chỗ nương tựa của ái dục thô. Thân này do tiếp nhận ái dục, thân này do tâm không điều phục, thân này do hoặc không diệt, nên lập thứ lớp.

Kệ nói: Bốn đối trị các đảo.

**Giải thích:** Vì chủ thể đối trị với tịnh, lạc, thường, ngã, thế nên nói thứ lớp niệm xứ có bốn, không tăng, không giảm. Trong bốn niệm xứ ấy, ba cảnh giới trước không có xen tạp nhau. Cảnh giới thứ tư có hai thứ: Nếu chỉ thấy cảnh giới của pháp, thì sẽ không xen tạp nhau. Thí dụ như thân v.v... Nếu quán chung hai, ba, bốn thì sẽ đồng một đạo lý, đồng một cảnh giới, tất nhiên cảnh giới này sẽ xen tạp nhau. Thường thường tu tập như đây, thì lấy thân v.v... làm cảnh và hoàn tất bốn thứ niệm xứ.

Kệ nói:

*Trong pháp niệm người này*

*Gồm chung trụ cảnh giới  
Quán tướng pháp vô thường  
Khổ, không và vô ngã.*

**Giải thích:** Người tu quán này, cư trú cảnh giới xen tạp với nhau. Ở trong pháp niệm xứ, tất cả bốn pháp thân v.v... thu tóm chung làm một cảnh. Do bốn tướng quán sát, nghĩa là tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã.

Kệ nói: Theo đây sinh hành Noãn.

**Giải thích:** Từ pháp niệm xứ này, tu tập thường xuyên theo thứ lớp, đến phẩm tối thượng thượng, có thiện căn, gọi là hành Noãn tức liền sinh khởi, là như hành Noãn, gọi là hạnh Noãn, là công năng đốt củi hoặc. Vì khởi tướng trước trong lửa bốn Thánh đạo, nên nói tên Noãn.

Kệ nói:

*Đủ bốn đế làm cảnh  
Có mười sáu thứ hạnh.*

**Giải thích:** Thiện căn như Noãn này, do phần vị tăng trưởng nên duyên đủ bốn đế làm cảnh, gồm có mười sáu hành. Dùng bốn tướng quán khổ, nghĩa là vô thường, khổ, không, vô ngã. Dùng bốn tướng để quán tập, nghĩa là nhân, tập, sinh, duyên. Dùng bốn tướng quán diệt, nghĩa là diệt, tĩnh, diêu, ly. Dùng bốn tướng quán đạo, nghĩa là đạo như hành xuất. Sự khác biệt của mười sáu hành sẽ nói sau. Như đối với hạnh Noãn trước kia cũng như vậy.

Kệ nói: Theo Noãn, Đảnh cũng vậy.

**Giải thích:** Noãn này được tăng trưởng theo thứ lớp phẩm hạ, trung, thượng. Từ phẩm thượng thượng Noãn có thiện căn gọi là Đảnh liền sinh khởi. Thiện căn này nên biết như Noãn. Duyên đủ bốn đế làm cảnh, có mười sáu hành. Do phẩm tối thượng thượng này vượt trội hơn Noãn kia, nên lập tên riêng. Vì do đỉnh của pháp thiện này, nên gọi là Đảnh. Vì sao? Vì từ địa này có đọa, có lỗi.

Kệ nói: Ở hai, do tướng an của pháp niệm.

**Giải thích:** Ở trong hai thiện căn như Noãn, Đảnh, do tướng an của pháp niệm xứ.

Pháp nào gọi là tướng an?

Ở bốn đế, đầu tiên an lập mười sáu tướng.

Kệ nói: Tăng trưởng do việc khác.

**Giải thích:** Hai thiện căn này đã sinh, lại vì tu bốn niệm xứ, nên được tăng trưởng. Nếu người tăng trưởng xong, đối với chỗ đặc trước kia

không còn hiện tiền nữa, do vì không cung kính.

Kệ nói: Từ Nhẫn kia.

**Giải thích:** Từ thiện căn Đảnh tăng trưởng, theo thứ lớp, hạ, trung, thượng nên thiện căn Nhẫn được sinh. Cuối hết vì có khả năng Nhẫn lý bốn Thánh đế, nên không có rơi rớt, lùi lại.

Nhẫn này cũng có ba thứ, nghĩa là hạ, trung, thượng. Trong đây kệ nói: hai Nhẫn, đồng với Đảnh kia.

**Giải thích:** Như thuyết trước nói về Đảnh, hai Nhẫn hạ, trung cũng vậy. Vì do tướng an, nên tất cả đều Nhẫn.

Kệ nói: Pháp niệm tăng trưởng.

**Giải thích:** Ba phẩm Nhẫn này đồng dùng pháp niệm xứ để tăng trưởng, không do niệm xứ khác.

Kệ nói: Khổ cõi Dục làm phẩm tăng thượng của cảnh.

**Giải thích:** Nhẫn của phẩm tối thượng này là vì dẫn đến Thế đệ nhất pháp, nên duyên khổ cõi Dục khởi. Thế nên, thiện căn như Noãn v.v... duyên khổ v.v... của ba cõi làm cảnh. Nghĩa này tự thành.

Do không nói nghĩa quyết định, nên thời điểm này có thể diệt cõi Sắc, cõi Vô sắc, đối trị với cảnh giới tướng của mỗi một đế, cho đến do tâm của hai sát-na, tư duy khổ cõi Dục.

Tất cả thuyết như đây gọi là trung Nhẫn. Nếu một sát-na duyên nổi khổ cõi Dục làm cảnh, thì Nhẫn này sẽ được gọi là Nhẫn phẩm thượng.

Kệ nói: Một niệm.

**Giải thích:** Nhẫn phẩm thượng này chỉ một sát-na, không có thời gian dài.

Kệ nói: Thế đệ nhất cũng vậy.

**Giải thích:** Như Nhẫn phẩm thượng duyên khổ cõi Dục làm cảnh, chỉ trong một tướng, một sát-na. Pháp Thế đệ nhất cũng vậy, duyên khổ cõi Dục làm cảnh. Một tướng, một sát-na, pháp này là pháp thế gian, vì do hữu lưu, vì vượt trội hơn hết trong pháp thế gian. Nói Thế đệ nhất là thù thắng, nghĩa là lìa nhân đồng loại. Do công lực này có thể dẫn đến Thánh đạo. Thế nên, Noãn v.v... lấy niệm xứ làm tánh, đồng là tánh tuệ.

Kệ nói: Đủ năm ấm lìa đến.

**Giải thích:** Là tất cả đều lấy năm ấm làm tánh. Do vì thâm tóm loại bạn, nên chỉ lìa chỗ đạt đến nhưng đắc đạt đến không phải thuộc về Noãn v.v... Vì sao? Vì chớ cho Thánh nhân do đắc đạt đến hiện tiền, lại thiện căn như Noãn v.v... hiện tiền. Trong đây, duyên ba đế làm



cảnh. Trong tướng an của địa vị Noãn, tu pháp niệm xứ đồng loại hiện tại. Nếu duyên diệt để làm cảnh thì cảnh này có hai thứ. Đồng loại các hành trong tất cả, nếu ở trong tăng trưởng, bốn niệm xứ tu hiện đời tùy thuộc một vị lai đầy đủ bốn niệm xứ. Điều này xảy ra, nếu duyên diệt làm cảnh. Trong tăng trưởng chỉ tu đồng loại niệm xứ sau cùng. Lại tu bốn niệm xứ và tất cả hành, nương vào tánh đã đạt được. Nếu tướng an ở trong Đảnh, dù duyên bốn đế, tu niệm xứ sau cùng, duyên diệt để trong tăng trưởng, chỉ tu niệm xứ sau cuối, vị lai đã có bốn pháp. Và, tất cả hành, nếu duyên ba đế, bốn niệm xứ trong tăng trưởng, tu hiện đời tùy một pháp. Vị lai đủ bốn pháp, và tất cả hành. Nếu tướng an ở trong Nhẫn, ở trong tất cả vị, tu niệm xứ sau cùng, vị lai đủ bốn pháp và tất cả hành. Nếu tướng an ở trong Thế đệ nhất, chỉ tu niệm xứ sau cuối, vị lai đủ bốn hạnh cùng bốn pháp. Điều này là do vì không có phần sau, do vì giống với kiến đạo.

Kệ nói:

*Phần quyết trạch như đây  
Có thể bốn thứ pháp.*

**Giải thích:** Như ở đây, có bốn thứ phần quyết trạch, chủ thể nơi thiện căn. Nghĩa là Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất. Hai địa vị trước ở trong bốn thứ là phẩm hạ vì động, do có rơi rớt lùi lại. Nhẫn là phẩm trung, Thế đệ nhất là phẩm thượng.

Phần quyết trạch có thể có nghĩa gì?

Quyết, nghĩa là dùng không có nghi ngờ làm nghĩa. Trạch là lấy sự phân biệt pháp tướng làm nghĩa. Hai cách vận dụng này là nghĩa Thánh đạo. Do Thánh đạo có năng lực diệt trừ tất cả sự ngờ vực, nên có khả năng phân biệt tướng của bốn Thánh đế, nghĩa là pháp này là khổ, cho đến pháp này là đạo. Thế nên, tất cả Thánh đạo, gọi là phần quyết trạch. Có nghĩa là ở trong kiến đạo, vì tùy thuộc căn cứ ở một đạo, nên gọi là phần. Nếu pháp có công năng dẫn phần này để cho sinh, nói là phần quyết trạch, có thể là thiện căn.

Kệ nói: Loại tu tuệ.

**Giải thích:** Bốn thứ phần quyết trạch này, đều thuộc về địa vị tu, không phải địa vị văn, tư.

Kệ nói: Địa định trung gian, vị lai.

**Giải thích:** Định vị lai, định trung gian, bốn định căn bản là địa, tức đối tượng nương tựa của thiện căn này. Vì thuộc về sáu địa, nên ở địa dưới không có, do không có định, ở địa trên không có, do loại bạn của kiến đạo, nên ở địa đó không có. Vì không duyên nơi cõi Dục, nên



cõi Dục này phải biết trước lia diệt trước, nên do hai địa này hỗ tương không đủ Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Thành thử hai địa này là loại bạn của kiến đạo. Vì ở hai địa không có, nên hai địa không phải là phần quyết trạch, có thể là chỗ nương tựa của thiện căn.

Bốn thiện căn này dùng năm ấm trong cõi Sắc làm quả báo, chỉ có thể viên mãn, không thể dẫn sinh, vì trái ghét sinh tử khởi.

Kệ nói: Nói hai địa dưới.

**Giải thích:** Đại đức Cù-sa nói: Hai phần quyết trạch trước có thể là thiện căn, dùng bảy địa làm chỗ nương tựa, hoặc dựa vào địa cõi Dục khởi, là tất cả bốn thiện căn như Noãn v.v.....

Kệ nói: Cõi Dục nương tựa ba.

**Giải thích:** Ba thiện căn trước ở trong nhân đạo, sinh ở ba châu. Nếu trước đã sinh, thì ở thiên đạo cũng được hiện ở trước. Thiện căn thứ tư ở trên trời cũng được sinh. Ba thiện căn trước, hai người nam, nữ được dựa vào thân nam, nữ sinh.

Kệ nói: Thiện căn thứ nhất, người nữ được do hai nương tựa.

**Giải thích:** Nếu người nữ được Thế đệ nhất, tất nhiên phải do hai nương tựa mới được. Nếu người nam được, chỉ do người nam nương tựa được. Vì sao? Vì do trước kia đã được phi trạch diệt của loại người nữ.

Thế nào là xả phần quyết trạch có thể là thiện căn?

Kệ nói: Do địa xả, Thánh xả.

**Giải thích:** Tùy thuận địa, đối tượng nương tựa nên Thánh nhân được bốn thiện căn này. Nếu Thánh nhân xả địa này, tức bỏ thiện căn này, không do nhân riêng xả địa.

Thế nào là do được vượt qua địa tội hơn, không do nhân khác?

Kệ nói: Không phải Thánh xả, do chết.

**Giải thích:** Nếu người phạm phu, thì tất nhiên do vì xả tự đồng phần, nên xả, nếu có nếu không có được vượt qua địa tội hơn.

Kệ nói: Hai trước do thoái chuyển xả.

**Giải thích:** Hai thiện căn như Noãn, Đảnh trước, người phạm phu do lùi lại, rơi rớt, xả và do chết xả. Thánh nhân đối với hai thiện căn, không có lùi lại. Từ Nhẫn và Thế đệ nhất, người phạm phu cũng không lùi lại.

Kệ nói: Do trong bản, kiến đế.

**Giải thích:** Nếu người nương tựa định căn bản, sinh thiện căn như Noãn v.v... thì hoặc đời nay, nếu chưa kiến bốn đế, tất nhiên sẽ kiến bốn đế, vì tâm chán xấu ác rất nặng.

Kệ nói:

*Lùi lại đã được Không phải là trước.*

**Giải thích:** Nếu người lùi lại hai thiện căn trước, về sau, được trở lại, là được chưa từng được, không phải được thiện căn mà trước kia đã bỏ. Thí dụ như giới Ba-la-đề-mộc-xoa, chẳng phải đã từng tu thuần thực mà vì công dụng đã thành. Nếu mỗi địa đều chưa trọn vẹn, thì từ cái chưa trọn vẹn này lại tu tiếp tục, nếu không theo tu căn bản.

